

Báo cáo ngành VietinbankSc

# Ngành Sản xuất Phân bón Việt Nam

01-2014

Hang T. Nguyen

|           |                               |           |                                   |           |                         |
|-----------|-------------------------------|-----------|-----------------------------------|-----------|-------------------------|
| <b>2</b>  | <b>Khái quát về ngành</b>     | <b>19</b> | Địa bàn kinh doanh                | <b>29</b> | <b>Doanh nghiệp lớn</b> |
| 2         | Định nghĩa ngành              |           |                                   | 29        | DPM                     |
| 2         | Hoạt động chính               | <b>20</b> | <b>Môi trường cạnh tranh</b>      | 30        | LAS                     |
| 2         | Các ngành tương tự            | 20        | Mức độ tập trung thị trường       | 31        | SFJC                    |
| 2         | Nguồn tham khảo               | 21        | Yếu tố tạo thành công             | 32        | BDFC                    |
| <b>3</b>  | <b>Tổng quan ngành</b>        | 22        | Cơ cấu chi phí                    |           |                         |
|           |                               | 23        | Mức độ cạnh tranh                 |           |                         |
| <b>4</b>  | <b>Sức hấp dẫn ngành</b>      | 24        | Mức độ Toàn cầu hóa               |           |                         |
| 4         | Tóm tắt báo cáo               | <b>25</b> | <b>Điều kiện kinh doanh</b>       |           |                         |
| 5         | Các yếu tố tác động chính     | 25        | Công nghệ và hệ thống             |           |                         |
| 8         | Tình hình kinh doanh          | 25        | Chính sách và quy định            |           | <b>Thuật ngữ</b>        |
| 11        | Dự báo ngành                  | 25        | Hỗ trợ ngành                      |           |                         |
| 13        | Chu kỳ sống của ngành         | 25        | Sự biến động của doanh thu        |           | <b>Cập nhật ngành</b>   |
| <b>14</b> | <b>Sản phẩm và thị trường</b> |           |                                   |           |                         |
| 14        | Chuỗi giá trị                 | <b>26</b> | <b>Số liệu thống kê ngành</b>     |           |                         |
| 14        | Sản phẩm và dịch vụ           | 26        | Thống kê ngành                    |           |                         |
| 17        | Yếu tố quyết định nhu cầu     | 27        | Thống kê doanh nghiệp trong ngành |           |                         |
| 17        | Thị trường chủ yếu            |           |                                   |           |                         |

# Khái quát ngành

## Định nghĩa ngành

Ngành phân bón Việt Nam chủ yếu sản xuất các sản phẩm phân bón. Sản phẩm phân bón được sản xuất bằng cách tạo ra hỗn hợp khác

nau từ ba chất dinh dưỡng quan trọng, cần thiết cho sự phát triển của thực vật, bao gồm Nito (N), Phốt pho (P) và Kali (K).

## Lĩnh vực hoạt động

### Sản phẩm chính

- Phân đạm (Phân Đạm)
- Phân lân (Phân lân supe hoặc Phân lân nung chảy)
- Phân bón tổng hợp (NPK)

### Hoạt động chính

- Sản xuất amoni, amoni nitrate, amoni sulphat và amoni phốt phát
- Sản xuất phân hữu cơ tự nhiên và phân bón từ chất thải động vật.
- Sản xuất nguyên liệu phân đạm
- Sản xuất đạm
- Sản xuất nguyên liệu phân lân
- Pha trộn các nguyên liệu phân bón
- Nhập khẩu và xuất khẩu phân bón

## Ngành tương đồng

### Sản xuất hóa dầu

Các doanh nghiệp trong ngành cung cấp các sản phẩm hóa dầu.

### 20210 Sản xuất thuốc trừ sâu

Các doanh nghiệp trong ngành cung cấp các sản phẩm thuốc trừ sâu sử dụng trong nông nghiệp.

### 20110 Sản xuất sản phẩm hóa chất

Các doanh nghiệp trong ngành cung cấp các sản phẩm hóa chất.

## Nguồn tham khảo

Những thông tin liên quan đến ngành

[www.vnfav.com](http://www.vnfav.com)

Hiệp hội Phân bón Việt Nam

[www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn)

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

[www.agromonitor.vn](http://www.agromonitor.vn)

Agromonitor Việt Nam

# Tổng quan về ngành

## Số liệu chính (2013)

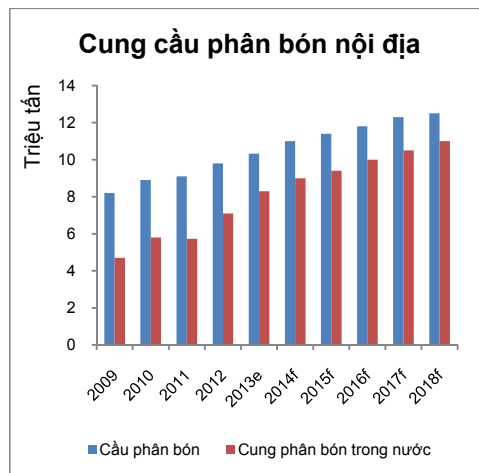
|                           |  |                         |
|---------------------------|--|-------------------------|
| Tổng cung trong nước      | Tăng trưởng hàng năm 13-18             | Tổng cầu phân bón       |
| <b>8.3 triệu tấn</b>      | <b>7.57%</b>                           | <b>10.345 triệu tấn</b> |
| Doanh thu (2012)          | Lợi nhuận sau thuế (2012) <sup>1</sup> | Số doanh nghiệp         |
| <b>33.8 nghìn tỷ đồng</b> | <b>3.83 nghìn tỷ đồng</b>              | <b>300</b>              |
| Xuất khẩu                 | Nhập khẩu                              |                         |
| <b>0.98 triệu tấn</b>     | <b>2.5 triệu tấn</b>                   |                         |

### Thị phần

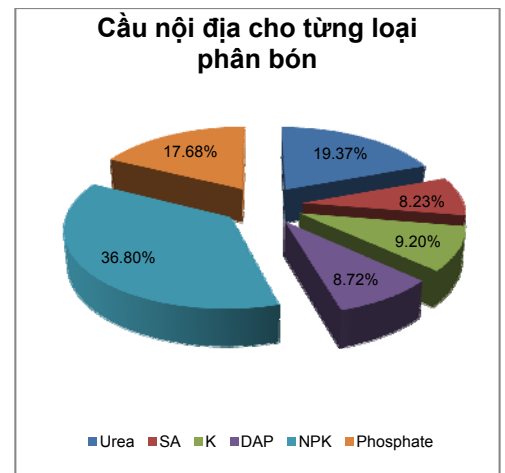
DPM  
55% (Thị trường ure)

LAS  
80% (Thị trường phân lân)

LAS  
20% (Thị trường NPK)



Nguồn: MARD



### Yếu tố chính tác động đến ngành

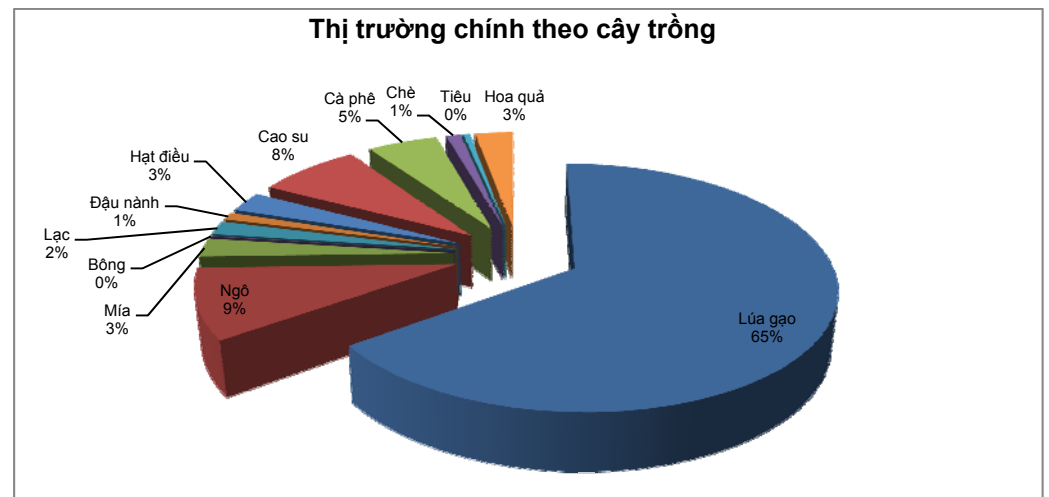
Đất canh tác

Nhu cầu lương thực

Cạnh tranh từ các quốc gia khác

Giá phân bón thế giới

Giá nguyên liệu đầu vào



Nguồn: VietinBankSc

### Cấu trúc ngành

|                        |                     |                       |                 |
|------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------|
| Chu kỳ ngành           | Đầu hậu tăng trưởng | Mức độ quy định ngành | Thấp            |
| Biến động doanh thu    | Trung bình          | Thay đổi công nghệ    | Thấp            |
| Cường độ vốn           | Cao                 | Rào cản gia nhập      | Cao             |
| Hỗ trợ ngành           | Cao                 | Toàn cầu hóa          | Thấp            |
| Mức độ tập trung ngành | Trung bình          | Mức độ cạnh tranh     | Trung bình thấp |

<sup>1</sup> Tổng doanh thu và lợi nhuận của toàn ngành được tính dựa trên số liệu của 8 doanh nghiệp phân bón đầu ngành do không có thông tin của những doanh nghiệp còn lại trong ngành.

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Tóm tắt báo cáo

Trong giai đoạn mà suy thoái kinh tế đã làm giảm nhu cầu của hầu hết các ngành sản xuất kinh doanh thì ngành phân bón Việt Nam vẫn có được sự tăng trưởng trong doanh thu. Xu hướng này là do nhu cầu phân bón nội địa ổn định và sự tăng lên của diện tích canh tác.

Trong thời kỳ cả thế giới bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế, khi người tiêu dùng ở những cấp độ thu nhập khác nhau đều cắt giảm chi tiêu vào những sản phẩm không cần thiết và khi các tổ chức kinh tế cũng thu hẹp lại hoạt động kinh doanh của họ thì mức tiêu thụ phân bón của các nhà bán buôn, bán lẻ hay cá nhân đều duy trì ở mức cũ do phân bón là yếu tố tối quan trọng cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, điều mà rất quan trọng đối với việc sản xuất lương thực. Tuy nhiên, do xu hướng giảm giá phân bón trên toàn cầu cũng như xu hướng tăng giá nguyên liệu sản xuất đầu vào nên tăng trưởng doanh thu của ngành đã có phần chững lại, song vẫn được duy trì khá tích cực. Tăng trưởng doanh thu trung bình trong 4 năm qua là 17.79%/năm và dự kiến sẽ giảm xuống còn 13.8%/năm trong năm năm tiếp theo.

Một trong những điểm đáng chú ý ở đây là, năm 2013 là năm đầu tiên

ngành sản xuất phân bón Việt Nam đã đáp ứng được đủ nhu cầu phân đạm trong nước. Thậm chí, các doanh nghiệp trong ngành còn đang tìm kiếm cơ hội để xuất khẩu phân bón ra nước ngoài. Điều này được thể hiện rõ nét qua sự gia tăng lượng phân bón xuất khẩu từ 0.4 triệu tấn vào năm 2009 lên 1.35 triệu tấn vào năm 2012. Những tín hiệu này cho thấy nhập khẩu phân bón đang có xu hướng giảm xuống.

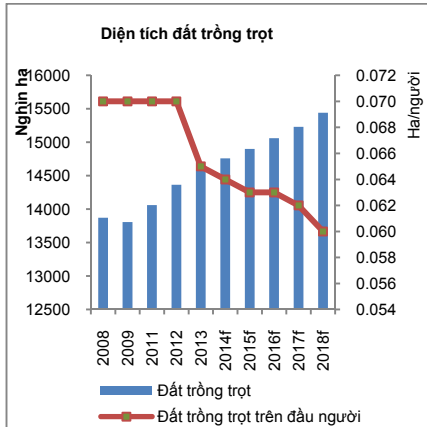
Từ năm nay đến năm 2018 hứa hẹn những tín hiệu tích cực trong tình hình hoạt động cũng như phát triển của ngành phân bón. Tuy nhiên, lợi nhuận của ngành nhìn chung sẽ tăng trưởng với tốc độ chậm hơn do ngành hiện đang ở thời kỳ đầu giai đoạn hậu tăng trưởng. Mặc dù xu thế mới trong bảo vệ môi trường đã làm tăng nhu cầu phân bón chất lượng cao và xuất khẩu phân bón sẽ đóng góp nhiều hơn vào tổng doanh thu, song việc thừa cung trong sản xuất phân đạm và phốt pho sẽ làm giảm giá của các mặt hàng này. Điều này sẽ khiến cho tăng trưởng lợi nhuận bị giảm. Do vậy, ngành dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng lợi nhuận 15.8%/năm, thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng trung bình 30%/năm trong bốn năm qua.

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

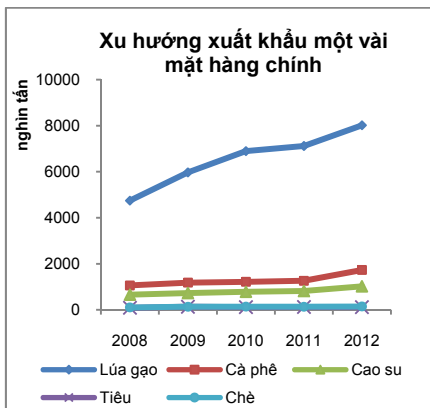
## Yếu tố tác động chính

Đất canh tác tăng lên qua từng năm và có khả năng tăng lên 15.5 triệu ha vào năm 2018.



Nguồn: Tổng cục thống kê, Worldbank

Nhu cầu nội địa tăng cao khi dân số dự kiến sẽ đạt 100 triệu người. Nhu xuất khẩu gạo, cao su, hạt tiêu cao.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Các DN trong nước phải cạnh tranh với các đối thủ đến từ 14 nước khác nhau. Đặc biệt, phân bón Trung Quốc chiếm tới 49% lượng phân bón nhập khẩu.

## Đất canh tác

Một ha đất canh tác cần một lượng phân bón nhất định, phụ thuộc và giống canh trồng và tính chất của đất. Diện tích đất càng lớn thì càng cần nhiều phân bón hơn. Thống kê cho thấy rằng, tốc độ tăng trưởng diện tích đất canh tác từ năm 1995 đến nay (57.7%) thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng tiêu thụ phân bón (517%). Mặc dù vậy, tăng trưởng nhu cầu phân bón hiện nay

đã chậm lại do đất canh tác đã bão hòa.

Đất canh tác tại Việt Nam tăng đều đặn với diện tích khoảng 200,000ha/năm, nhưng diện tích canh tác trên đầu người thì gần như vẫn được giữ ở mức 0.07ha. So với các quốc gia khác, đất canh tác đầu người tại Việt Nam thấp hơn song lượng phân bón được sử dụng trên một ha ở mức trung bình.

### Đất canh tác và lượng phân bón sử dụng bình quân 2011

| Quốc gia                      | Bru-ni | Campuchia | Indonesia | Malaysia | Mi-an-ma | Phi-lip-pin |
|-------------------------------|--------|-----------|-----------|----------|----------|-------------|
| <b>Kg/ha</b>                  | 575.3  | 11.5      | 181.5     | 1096.5   | 6.2      | 149         |
| <b>Đất canh tác/đầu người</b> | 0.01   | 0.27      | 0.1       | 0.06     | 0.21     | 0.06        |

| Quốc gia                      | Thái Lan | Việt Nam | Ấn độ | Trung Quốc | Nhật Bản | Úc   |
|-------------------------------|----------|----------|-------|------------|----------|------|
| <b>Kg/ha</b>                  | 162.2    | 310.5    | 178.5 | 548.3      | 261.4    | 46.3 |
| <b>Đất canh tác/đầu người</b> | 0.24     | 0.07     | 0.13  | 0.08       | 0.03     | 2.14 |

Nguồn: Ngân hàng Thế giới

## Nhu cầu lương thực

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN & PTNT), tăng trưởng nhu cầu lương thực hiện

đang cao hơn tăng trưởng sản xuất lương thực.

### Nhu cầu trong nước

Đến năm 2020, dân số Việt Nam ước tính sẽ tăng lên 100 triệu người, so với 90 triệu người trong năm 2013. Nhưng, cấu trúc và chất lượng thực phẩm sẽ theo xu hướng giảm lượng gạo, thịt, rau và tăng lượng trứng và sữa. Trong năm 2020, tiêu thụ thực phẩm và tiêu thụ đầu người

sẽ giảm xuống còn 100kg gạo, 45 kg thịt, 30kg cá các loại, 50 kg hoa quả, 120 rau và sẽ tăng lượng tiêu thụ trứng và sữa lên gấp đôi so với năm 2012. Vì vậy, tổng lượng cầu về gạo và rau quả sẽ tăng lên nhưng lượng gạo và rau quả đầu người sẽ giảm xuống.

### Nhu cầu xuất khẩu

Việt Nam là một quốc gia xuất khẩu gạo, cao su, hạt tiêu... lớn trên thế giới. Lượng xuất khẩu của các sản phẩm này liên tục tăng qua các năm.

Và do đó, khi sự tăng trưởng sản lượng của các sản phẩm trên càng được quan tâm thì nhu cầu phân bón cũng sẽ tăng lên.

## Cạnh tranh từ các quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

Cạnh tranh từ các quốc gia khác là khá cao khi mà trong năm 2012, 40% nhu cầu trong nước phải được nhập khẩu từ bên ngoài. Do các nhà sản xuất Việt Nam chưa thể tự sản xuất được K và SA nên có từ 1.5 đến 1.8 triệu tấn phân K và SA phải được nhập khẩu. Hơn nữa, đến trước năm 2012, sản xuất đạm và NPK không đáp ứng được nhu cầu trong nước nên mỗi năm ngành phân bón phải nhập khẩu gần 1 triệu tấn hai loại phân bón này.

Việt Nam chủ yếu nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc, chiếm khoảng 49% tổng sản lượng phân bón nhập khẩu. Trung Quốc có lợi thế cạnh tranh với khả năng sản xuất được 61 triệu tấn một năm. Kết quả là, phân bón Trung Quốc, thường được

bán ở mức 500-1000 đồng một kg, thấp hơn so với giá phân bón Việt Nam. Ví dụ, vào tháng 10 năm 2013, phân Ninh Bình và Phú Mỹ giá từ 470,000 – 500,000 đồng một gói 50kg trong khi đó phân bón nhập khẩu từ Trung Quốc giá chỉ ở mức từ 440,000 đồng đến 450,000 đồng một gói 50kg (Hải quan Việt Nam). Bên cạnh đó, Philippines, Nhật Bản, Israel và các nước Trung Đông là các quốc gia đứng đầu về xuất khẩu phân bón sang Việt Nam. Các quốc gia Trung Đông với lợi thế giá ga tự nhiên và dầu thấp đã có thể sản xuất phân bón với chi phí thấp, qua đó có khả năng ảnh hưởng đến việc định giá bán phân bón.

Giá phân bón thế giới và trong nước hiện đều đang trong xu hướng giảm

## Sự thay đổi giá phân đạm thế giới và trong nước

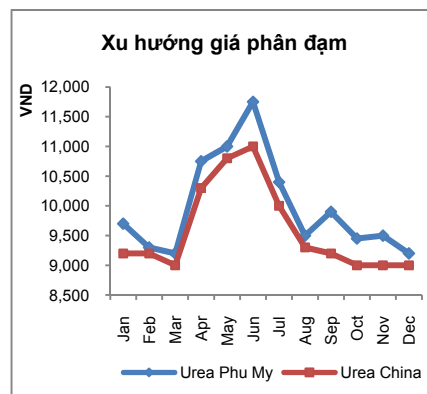
| Market       | TB 15 ngày đầu tháng 10, 2013 | Tháng 9 2013   | Thay đổi     |
|--------------|-------------------------------|----------------|--------------|
| Yuzhny (FOB) | 292-300                       | 285-290        | Tăng 7-10    |
| Baltic (FOB) | 300-303                       | 310-315        | Tăng 10-12   |
| Bắc Việt Nam | 8,500-8,900/kg                | 8,600-9,200/kg | Tăng 100-300 |
| Nam Việt Nam | 8,200-8,900/kg                | 8,300-9,300/kg | Tăng 100-400 |

Nguồn: Cục Quản lý giá

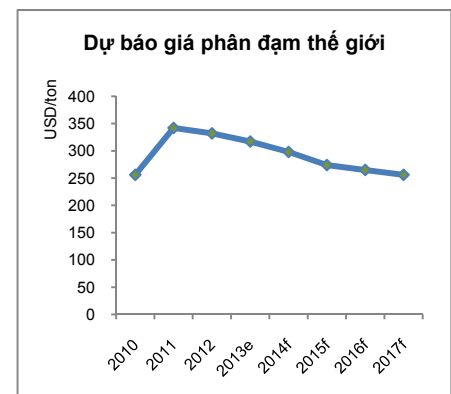
## Giá phân bón thế giới

Giá phân bón Việt Nam bị ảnh hưởng đáng kể bởi giá phân bón thế giới. Điều này là do Việt Nam trên thực tế vẫn phải nhập khẩu phân bón từ nước ngoài. Do đó, các nhà sản xuất Việt Nam thường cần phải bán sản phẩm của họ ở mức giá thấp hơn so với phân bón nhập khẩu để duy trì lợi thế cạnh tranh. Bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ ngay lập tức tác động đến giá phân bón trên thị trường Việt Nam.

Tổng thư ký Hiệp hội Phân bón Việt Nam cho biết, trong dài hạn giá phân bón trên thị trường thế giới có xu hướng giảm trong bối cảnh cung đã vượt quá cầu. Theo ước tính của của tổ chức IFA tới năm 2014-2015, lượng tồn kho trên toàn thế giới sẽ vào khoảng 15-18 triệu tấn. Vì vậy, giá phân bón tại Việt Nam cũng sẽ giảm theo.



Nguồn: DPM



Nguồn: World Bank

## Giá nguyên liệu đầu vào vẫn là nhân tố chính

Lợi nhuận của toàn ngành chủ yếu phụ thuộc vào chi phí nguyên liệu đầu vào được sử dụng để sản xuất phân bón. Khí tự nhiên và than

chiếm tỷ lệ lớn nhất trong chi phí sản xuất phân đạm trong khi đó để sản xuất phốt phat thì sẽ cần một lượng lớn Apatit và lưu huỳnh.

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Khí tự nhiên

Giá khí tự nhiên bất ngờ tăng 40% trong năm 2012, và những năm tiếp theo dự kiến sẽ tăng trung bình 2% một năm.

| Năm                      | Tỷ trọng cung cấp phân bón cho các ngành công nghiệp |      |      |      |      |      |      |
|--------------------------|--|------|------|------|------|------|------|
|                          | 2006   | 2007 | 2008 | 2010 | 2011 | 2015 | 2025 |
| Năng lượng               | 5  | 5.1  | 6.1  | 8.4  | N/A  | 12.9 | 20   |
| Phân bón                 | 0.5  | 0.5  | 0.5  | 0.5  | N/A  | 1    | 1    |
| CNG                      |  |      |      | 0.2  | N/A  | 0.3  | 0.3  |
| Hóa dầu                  |  |      |      |      | N/A  | 0.4  | 0.4  |
| Công nghiệp và tiêu dùng | 0.3  | 0.3  | 0.4  | 1.8  | N/A  | 4.6  | 6    |
| Tổng cộng                | 5.7  | 6    | 7    | 11   | 9.5  | 19.1 | 27.8 |

Nguồn: Energy Quest

Khí tự nhiên được cung cấp độc quyền bởi PV Gas. Sự tăng trưởng của ngành phân bón đặc biệt bị thách thức bởi mức độ sẵn có và giá của khí tự nhiên. Trong khi giá năng lượng tăng cao, các hoạt động sản xuất khí tự nhiên được tăng cường nhằm đáp ứng nhu cầu cho ngành năng lượng. Điều này có thể tăng nguy cơ suy giảm cung cấp khí tự nhiên cho ngành phân bón. Hơn nữa, giá khí thiên nhiên cũng đang tăng lên qua từng năm. Trong năm 2012, giá bán trung bình là

\$6.43/MMBTU, tăng bất ngờ 40% so với năm trước. Giá khí tự nhiên dự kiến sẽ tiếp tục tăng trung bình 2% một năm trong những năm tiếp theo.

Để sản xuất một tấn đạm thì cần 27 MMBTU khí tự nhiên, tương đương với chi phí 173.61 đô la. Tuy nhiên, giá khí tự nhiên được bán cho các nhà máy sản xuất phân bón thường được trợ giá bởi chính phủ, các doanh nghiệp phân bón chỉ phải mua khí tự nhiên với mức giá bằng nửa giá thị trường.

Than đá chiếm 70% trong giá vốn hàng bán ure và có thể tăng từ 21% đến 82% một năm.

## Than

Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) là doanh nghiệp có nhiều ảnh hưởng nhất trong việc định giá than. Theo Phó Chủ tịch và

Tổng Thư ký của hiệp hội phân bón Việt Nam, giá than đá được sử dụng trong sản xuất phân bón sẽ tăng khoảng 21% đến 82% mỗi năm.

Việc cấm xuất khẩu Apatit đã làm lợi cho các doanh nghiệp phân bón trong nước. Tuy nhiên, giá Apatit vẫn đang tăng trung bình 7% một năm.

## Apatit

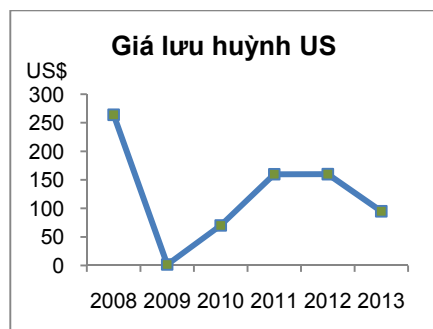
Apatit là tài nguyên thiên nhiên có thể khai thác được ở Lào Cai. Lệnh cấm xuất khẩu Apatit gần đây là một lợi thế cho các doanh nghiệp trong

nước. Tuy nhiên, do chi phí giá điện phục vụ sản xuất Apatit gần đây đã tăng lên, nên giá Apatit cũng đã tăng 7% mỗi năm.

## Lưu huỳnh

Tiêu thụ lưu huỳnh ở Việt Nam hoàn toàn phải phụ thuộc vào nhập khẩu, do đó mức giá bị phụ thuộc rất nhiều vào biến động của giá lưu huỳnh

trên thị trường thế giới. Tại Hoa Kỳ, giá lưu huỳnh hiện vẫn đang giảm nhưng được kỳ vọng sẽ tăng trở lại với mức khoảng 10% vào năm 2014.



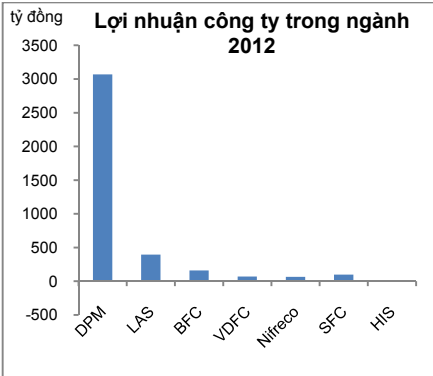
Nguồn: USGC

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

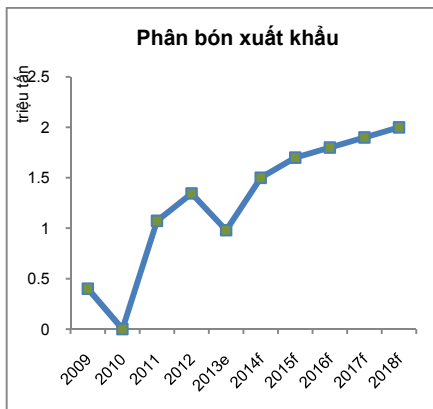
## Tình hình hoạt động

Tuy tăng trưởng được ghi nhận nhưng tốc độ đang giảm dần từ 60% (2011) xuống còn 1.17% (2012)



Nguồn: VietinbankSc

2.36 triệu tấn phân bón được sản xuất trong khi nhu cầu thị trường là 2 triệu tấn.



Nguồn: Tổng cục Hải quan

## Ngành phân bón vẫn có được tăng trưởng lợi nhuận bất chấp suy thoái kinh tế

Mặc dù môi trường kinh tế khó khăn hiện nay gần như làm suy yếu hầu hết các ngành kinh tế, song tình hình kinh doanh của ngành phân bón vẫn tương đối tốt. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu phân bón ổn định và liên tục. Cụ thể, hơn 60% dân số làm việc trong ngành nông nghiệp, diện tích đất canh tác tăng trung bình 1% một năm, và nhu cầu lương thực đang tăng với tốc độ lớn hơn tốc độ tăng trưởng dân số. Do đó, các nhà máy phân bón trong nước sẽ có thể dễ dàng giới thiệu sản phẩm của họ.

Tuy nhiên, mức lợi nhuận cao cũng như những biến động trong tăng trưởng lợi nhuận đều đã được ghi nhận. Điều này là do giá phân bón trong nước bị phụ thuộc vào giá

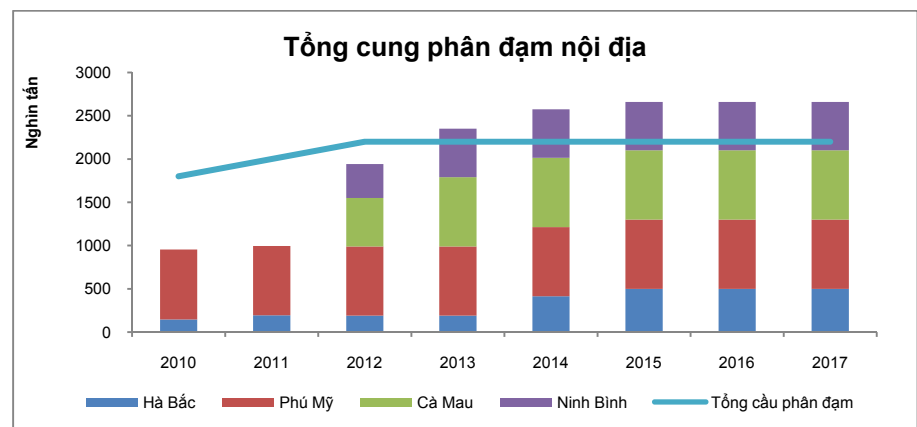
phân bón trên thị trường thế giới vốn đã bị giao động đáng kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008. Đặc biệt, sản xuất dư thừa đã làm hạn chế tăng trưởng lợi nhuận của ngành phân bón. Biên lợi nhuận ròng và tăng trưởng lợi nhuận đã giảm từ mức 12.9% và 60% trong năm 2011 xuống 10.46% và 1.17% trong năm 2012. Rõ ràng khi cung vượt cầu, và dưới áp lực thị trường, giá bán và lợi nhuận theo đó cũng bị sụt giảm theo.

Điều đáng chú ý ở đây là lợi nhuận giữa các doanh nghiệp trong ngành không đồng đều. Doanh nghiệp đạt lợi nhuận lớn nhất là DPM (trên 3 nghìn tỷ đồng), trong khi đó HIS ghi nhận thu nhập ròng âm 2 tỷ đồng.

## Thị trường đạm đã dư cung

Từ một quốc gia phải nhập khẩu đạm, phân lân và phân NPK, Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn dư cung phân bón. Năm 2013 đánh dấu năm đầu tiên Việt Nam có thể hoàn toàn cung cấp được nhu cầu đạm trong nước nhờ việc thành lập nhà máy phân bón Cà Mau và nhà máy

phân bón Ninh Bình trong năm 2012, với công suất lần lượt là 800,000 tấn một năm và 560,000 tấn một năm. Hai nhà máy mới và hai nhà máy hiện có sẽ cung cấp tổng công suất lên tới 2.36 triệu tấn đạm, gần gấp đôi so với năm 2011.



Nguồn: DPM

## Thúc đẩy xuất khẩu phân bón

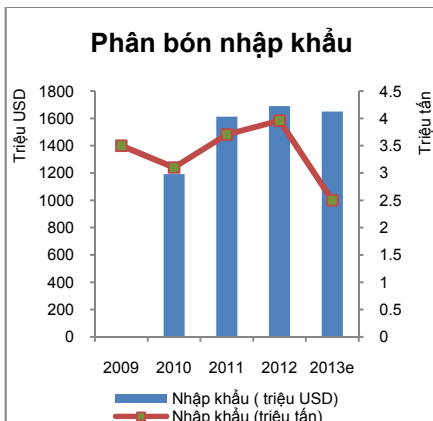
Hoạt động nhập khẩu Đạm và phân lân trong quá khứ sẽ chấm dứt khi nguồn cung đạm vượt nhu cầu trong nước từ 360 đến 569 nghìn tấn một năm. Trong hoàn cảnh này, các nhà máy sản xuất suất phân bón bắt đầu tìm kiếm thị trường mới ở nước

ngoài. Nếu như trong năm 2009, lượng phân bón xuất khẩu còn chưa đáng kể, chỉ vào khoảng 400,000 tấn, hoạt động này trở nên cạnh tranh hơn vào năm 2011 và 2013 cả về khối lượng lẫn giá trị (Năm 2010, việc xuất khẩu phân bón bị cấm).

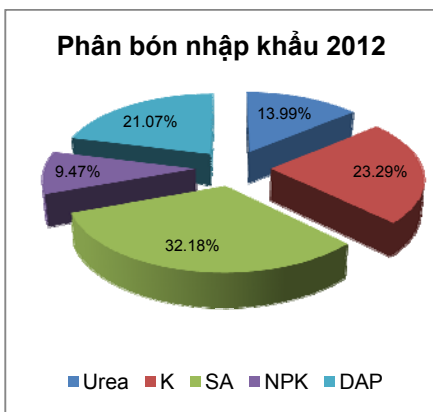


# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành



Nguồn: Tổng cục Hải quan



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2012, Việt Nam xuất khẩu phân bón đến 40 quốc gia khác nhau trên toàn thế giới, với thị trường chính là Campuchia (192 triệu đô la), Philippines (59 triệu đô

la), và Malaysia (52 triệu đô la). Xu hướng tăng trong hoạt động xuất khẩu phân bón dự kiến sẽ tiếp tục được duy trì trong 5 năm tới.

## Nhập khẩu phân bón đã giảm

Khối lượng và giá trị phân bón nhập khẩu đã giảm trong năm 2013 (từ khoảng 4 triệu tấn trong năm 2012 giảm xuống chỉ còn 2.5 triệu tấn

trong năm 2013) và dự kiến sẽ giảm liên tục trong những năm tiếp theo.

## SA, K và DAP

Các doanh nghiệp sản xuất phân bón tại Việt Nam không thể sản xuất SA và K do Việt Nam không có quặng Kali, trong khi đó mỗi năm, nhu cầu cần khoảng 900 nghìn tấn kali và 700 tấn SA. Đó đó, rõ ràng là Việt Nam hoàn toàn phải dựa vào nhập khẩu (SA và K chiếm tỷ trọng

lớn nhất trong cấu trúc phân bón nhập khẩu). Đối với DAP, Việt Nam hi vọng sẽ có thể đáp ứng đủ nhu cầu trong nước khi nhà máy Lào Cai DAP II với công suất 330,000 tấn/năm đi vào hoạt động sẽ đáp ứng đủ nhu cầu nội địa với 700,000 tấn/năm.

## Urê, NPK và những loại phân bón khác

Mặc dù sản xuất đạm trong nước cung cấp đủ nhu cầu nội địa, Việt Nam vẫn nhập khẩu phân bón từ những nước khác, đặc biệt là từ Trung Quốc do giá cả thường thấp hơn. Do đó, trong 8 tháng đầu năm

2013, Cục Hải Quan cho biết khoảng 800 tấn đạm và phân lân được nhập khẩu. Tuy nhiên, nhập khẩu đạm đã có dấu hiệu giảm cả về lượng (giảm 55.4%) lẫn giá trị (giảm 52.5%) trong năm 2012 so với năm 2011.

## Đòn bẩy tài chính cao

Ở góc độ tài chính, ngành phân bón có tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 225%. Điều này có nghĩa là các doanh nghiệp trong ngành hoạt động chủ yếu dựa vào vốn vay hơn là vốn đầu tư của họ. Từ quan điểm của các nhà đầu tư, đầu tư vào các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh phân bón sẽ rất mạo hiểm.

Tuy nhiên, tình hình giữa các doanh nghiệp niêm yết và các doanh nghiệp không niêm yết là rất khác nhau. Các doanh nghiệp phân bón đã niêm yết hoạt động bằng hoặc chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu.

Trong số các doanh nghiệp phân bón đã niêm yết thì tỷ lệ nợ của HIS và LAS lần lượt là 84% và 52%. Khả năng thanh toán và tình hình tài chính của DPM ổn định hơn với chỉ tỷ lệ nợ chỉ bằng 8%.

Mặt khác, các doanh nghiệp phân bón không niêm yết thường có tỷ lệ nợ rất cao, khoảng từ 500% đến 600%. Điều này là dễ hiểu bởi vì các doanh nghiệp tư nhân thường gặp khó khăn khi tiếp cận vốn bên ngoài. Thay vào đó, các khoản vay ngân hàng lại là lựa chọn hàng đầu.

## Tính thanh khoản nên được xem xét

Ngành phân bón có rủi ro thanh khoản ở mức trung bình, song có xu hướng tăng lên. Điều này được thể hiện qua việc tỉ số thanh toán hiện thời và tỷ số thanh toán nhanh của phần lớn các doanh nghiệp trong ngành đang giảm. Tỉ số thanh toán

nhấp thấp là tín hiệu yêu cầu các nhà đầu tư cần cẩn trọng hơn khi đưa ra quyết định đầu tư. Điều này cũng chỉ ra rằng, ngành phân bón có các khoản phải thu và tỷ lệ tồn kho ở mức cao.

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

| Tính thanh khoản của một số doanh nghiệp hàng đầu trong ngành |                                 |      |      |      |      |
|---|---------------------------------|------|------|------|------|
| Doanh nghiệp  |                                 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 |
| DPM   | Tỷ số thành toán hiện hành      | 6.84 | 5.22 | 6.99 | 1.20 |
|   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | 5.83 | 4.50 | 5.65 | 0.36 |
| LAS   | Tỷ số thành toán hiện hành      | 1.18 | 1.47 | 1.57 | 1.65 |
|   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | 0.40 | 0.70 | 0.55 | 0.35 |
| HSI   | Tỷ số thành toán hiện hành      | 1.08 | 1.15 | 1.06 | 0.99 |
|   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | 0.56 | 0.52 | 0.35 | 0.34 |
| SFJC  | Tỷ số thành toán hiện hành      | N/A  | N/A  | 0.90 | 0.96 |
|   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | N/A  | N/A  | 0.33 | 0.35 |
| BFC   | Tỷ số thành toán hiện hành      | N/A  | N/A  | 1.06 | 1.10 |
|   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | N/A  | N/A  | 0.39 | 0.49 |
| NIFRECO   | Tỷ số thành toán hiện hành      | N/A  | 2.84 | 1.96 | N/A  |
|   | Hệ số khả năng thanh toán nhanh | N/A  | 1.59 | 0.77 | N/A  |

Nguồn: VietinbankSc

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Triển vọng ngành

Tăng trưởng lợi nhuận sẽ chậm lại

### Lợi nhuận dự kiến sẽ tăng với tốc độ chậm hơn

Lợi nhuận của ngành phân bón dự kiến sẽ giảm. Lập luận này được củng cố bởi những nguyên nhân sau đây:

- (1) *Dư cung thị trường:* Các doanh nghiệp sản xuất phân bón buộc phải giảm giá bán để duy trì thị phần nếu các doanh nghiệp này không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào trong chất lượng cũng như dịch vụ cung cấp so với các đối thủ khác trên thị trường. Cầu ổn định cùng với giá bán giảm khiến cho doanh thu của toàn ngành bị sụt giảm.
- (2) *Xu hướng giảm giá toàn cầu:* Các doanh nghiệp trong nước sẽ thua kém các doanh nghiệp nước ngoài cùng ngành nếu giá bán của họ cao hơn giá nhập khẩu. Khách hàng sẽ chọn mức giá

tốt nhất trong số những nhà cung cấp.

- (3) *Xu hướng tăng giá đầu vào toàn cầu:* Các doanh nghiệp sản xuất phân bón được trợ cấp bởi chính phủ dưới dạng mua giá nguyên liệu đầu vào với giá thấp hơn giá thị trường. Ví dụ, giá khí tự nhiên được bán cho hai nhà máy sản xuất phân bón DPM và Cà Mau xấp xỉ 6.43 đô la trên triệu BTU, mức giá này thấp hơn rất nhiều so với giá thương mại được bán cho các khách hàng công nghiệp khác, thường ở mức từ 10 đến 14 đô la trên triệu BTU. Tuy nhiên, giá của những nguyên liệu này đang tăng lên mỗi năm theo đúng như lộ trình được đưa ra bởi thủ tướng chính phủ.

### Doanh thu từ xuất khẩu sẽ đóng góp nhiều hơn vào tổng doanh thu của toàn ngành

Theo VFA, nhờ vị trí địa lý thuận lợi khi không chỉ nằm ở trung tâm Đông Nam Á mà còn được bao quanh bởi biển, Việt Nam có nhiều lợi thế thương mại khi xuất khẩu phân bón sang các quốc gia khác trong vùng như Mi-an-ma, Thái Lan, Campuchia, Philippines, v.v.

Chi phí vận chuyển hàng hóa thấp cũng như nhu cầu phong phú từ các nước châu Á hứa hẹn tăng trưởng doanh thu mạnh cho ngành phân bón Việt Nam. Hiện nay, các hoạt động xuất khẩu chiếm dưới 5% tổng doanh thu của toàn ngành, song dự tính sẽ tăng lên và đạt từ 10% đến 15% trong những năm tiếp theo.

### Nhập khẩu phân bón dự kiến sẽ giảm

Mặc dù lượng SA, K và DAP chiếm gần 20% tổng cầu phân bón của cả nước, Việt Nam vẫn hoàn toàn phải nhập khẩu 100% SA và K cũng như 65% DAP từ những nước khác. Tuy nhiên, lượng phân bón nhập khẩu ước tính sẽ giảm bởi những lý do sau đây:

- (1) Sự có mặt DAP II Yên Bái
- (2) Muối Kali đang được khai thác tại Lào bởi VinanChem có thể giúp giảm tương đối

lượng kali nhập khẩu trong tương lai.

- (3) Thuế nhập khẩu có khả năng sẽ áp dụng cho phân đạm. Phân đạm hiện nay không phải chịu thuế nhập khẩu nhằm hỗ trợ nông dân do sự thiếu hụt trước đó để phục vụ nông nghiệp. Tuy nhiên, từ năm 2013 trở đi, sản xuất đạm sẽ vượt cầu, do đó khả năng thuế nhập khẩu đối với đạm là khá cao.

### Bảo vệ môi trường sẽ thúc đẩy nhu cầu đối với những loại phân bón thân thiện với môi trường

Hiện nay, việc sử dụng các loại phân bón vẫn có ảnh hưởng xấu đến môi trường khi khoảng 50-60% Flo, 40-60% Nito không thể hấp thụ bởi cây

trồng. Do đó, nhu cầu đối với các loại phân bón có chất lượng cao sẽ gia tăng.

| Cầu phân bón ở một số quốc gia 2012 |               |
|-------------------------------------|---------------|
| Quốc gia                            | Cầu           |
| Mi-an-ma                            | 400,000/năm   |
| Thái Lan                            | 2,200,000/năm |
| Campuchia                           | 250,000/năm   |
| Phi-lip-pin                         | 800,000/năm   |
| Hàn Quốc                            | 700,000/năm   |

Nguồn: PVFCCo

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Đầu tư vào sản xuất SA, phân kali để thúc đẩy tiềm năng tăng trưởng

Đầu tư hơn nữa vào một vài phân khúc cụ thể thể như Đạm, NPK hay phân lân không thể mang lại quy mô kinh tế hiệu quả nhất cho các công ty sản xuất phân bón. Vì vậy, cần có

sự đầu tư vào các sản phẩm mới để tối đa hóa sự đa dạng các sản phẩm phân bón và giảm thiểu hoạt động nhập khẩu phân bón.

# Sức hấp dẫn ngành

Tóm tắt báo cáo | Yếu tố tác động chính | Tình hình hoạt động | Triển vọng ngành | Chu kỳ sống của ngành

## Chu kỳ sống của ngành

Ngành phân bón đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hậu tăng trưởng.

Ngành phân bón hiện đang ở giai đoạn hậu tăng trưởng trong chu kỳ sống. Điều này được thể hiện rõ qua tăng trưởng ngành chậm, năng suất dư thừa và rào cản gia nhập lớn hơn.

Tăng trưởng lợi nhuận của ngành bắt đầu chậm lại từ năm 2012 và dự kiến duy trì xu hướng này trong 5 năm tới. Trong năm 2012, đóng góp của ngành đối với nền kinh tế là vào khoảng 0.12% và ngành phân bón dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm là 15.8% trong 5 năm tiếp theo, thấp hơn nhiều so với mức 30% trong bốn năm qua. Trong khi đó, trong cùng thời kỳ, tăng trưởng GDP của Việt Nam ước đạt trung bình 7.5% một năm. Ngành phân bón đang tăng trưởng nhanh hơn nền kinh tế, nhưng ở tốc độ giảm. Điều này chỉ ra rằng, ngành hiện đang ở trong giai đoạn hậu tăng trưởng.

Từ năm 2012 trở đi, ngành phải đối mặt với hiện trạng năng suất dư thừa trong sản xuất đạm, nguyên nhân chủ yếu là do nhiều nhà máy mới được thành lập trong khi đó nhu cầu không thay đổi. Dư thừa năng suất là một đặc điểm cụ thể của giai đoạn hậu tăng trưởng khi mà các doanh nghiệp trong ngành bắt đầu cân nhắc việc cắt giảm chi phí để tái cấu trúc. Cuộc tranh trên thị trường sẽ trở nên gay gắt hơn trong giai đoạn dư thừa. Cuộc tranh khốc liệt, cùng với thay đổi công nghệ và các quy định chặt chẽ hơn khiến các rào cản gia nhập thị trường và khả năng thất bại cao hơn. Theo MARD, số lượng doanh nghiệp sản xuất phân bón dự kiến cũng sẽ giảm đi một nửa trong những năm tiếp tới sau khi nghị định số 202/2013/ND-CP có hiệu lực.

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi giá trị | Sản phẩm và Dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Khu vực kinh doanh

## Chuỗi giá trị

### NGÀNH MUA CHÍNH

#### Bán buôn và bán lẻ

Đây là nhóm khách hàng lớn nhất. Ngành công nghiệp phân bón dựa vào các kênh bán buôn và bán lẻ để quảng bá sản phẩm.

#### Các doanh nghiệp phân bón khác

Doanh nghiệp phân bón có thể cung cấp sản phẩm cho các doanh nghiệp cùng ngành. Ví dụ, nhà máy sản xuất phân NPK có thể mua phân đạm từ nhà máy sản xuất phân đạm.

### NGÀNH CUNG CẤP ĐẦU VÀO

#### Công nghiệp sản xuất khí tự nhiên

Những doanh nghiệp này cung cấp nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất cho ngành sản xuất phân đạm. Ở Việt Nam, PV Gas là công ty duy nhất độc quyền trong cung cấp sản phẩm này.

#### Công nghiệp sản xuất than đá

Những doanh nghiệp này cung cấp nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất cho ngành sản xuất phân đạm. Ở Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp than khoáng sản Việt Nam là công ty duy nhất độc quyền trong cung cấp sản phẩm này.

#### Công nghiệp điện

Những công ty này cung cấp điện để sản xuất phân bón

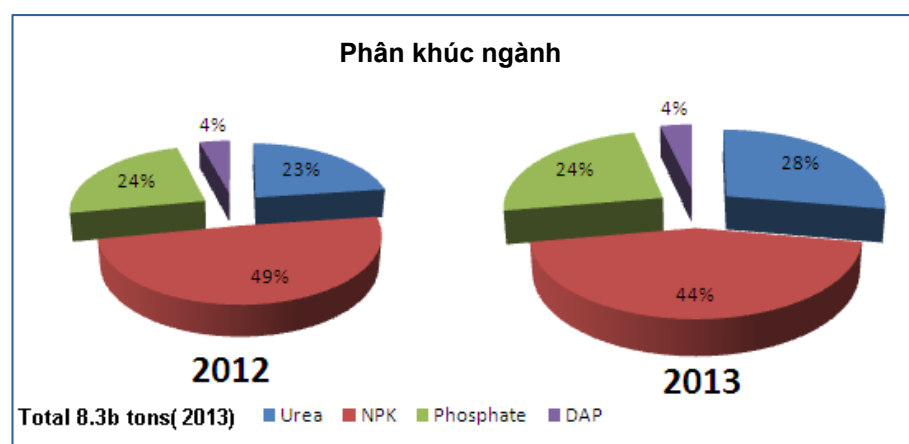
#### Công nghiệp Apatit

Những doanh nghiệp này cung cấp nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất cho ngành sản xuất phân lân

#### Công nghiệp lưu huỳnh

Những doanh nghiệp này cung cấp nguyên liệu đầu vào quan trọng nhất cho ngành sản xuất phân lân

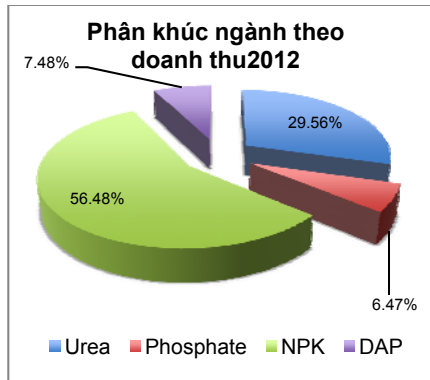
## Sản phẩm và dịch vụ



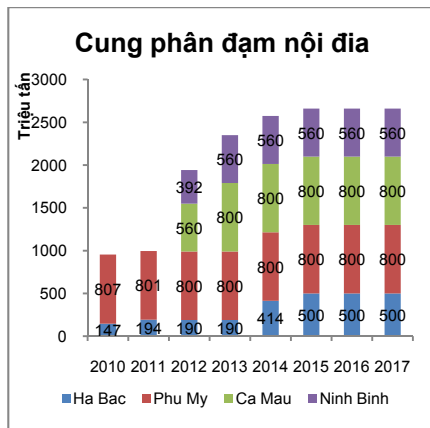
Source: Apromaco

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi giá trị | Sản phẩm và Dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Khu vực kinh doanh



Nguồn: VietinbankSc



Nguồn: VietinbankSc

## Sản xuất NPK

Do NPK cung cấp 3 dưỡng chất quan trọng bao gồm Nito (N), photphat (P) và Kali (K), giúp nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp và giảm yêu cầu về nhân công, do đó, sẽ không bất ngờ khi NPK là loại phân bón mà nông dân có nhu cầu sử dụng cao nhất (chiếm 44% với 3.5 triệu tấn). Theo đó, doanh thu từ phân khúc sản phẩm này cũng chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu của toàn ngành với 56%.

Sản xuất NPK hiện có xu hướng tăng lên do số lượng nhà máy tham gia sản xuất loại phân bón này cũng tăng lên. Trên thực tế, có khoảng 5 nhà máy lớn và hơn 200 nhà máy nhỏ tham gia thị trường NPK. Chi phí sản xuất NPK phần lớn phụ thuộc vào 3 thành phần của loại phân bón này. Trong khi N có thể mua được trong nước, P có thể tự sản xuất thì K lại cần phải nhập khẩu.

## Sản xuất phân Đạm

Trong số 13 chất dinh dưỡng thiết yếu dành cho cây trồng thì protein có trong phân đạm là chất dinh dưỡng quan trọng nhất, dễ sử dụng nhất và và đứng đầu trong khả năng hấp thụ của cây trồng. Do Nito cũng có trong NPK, do đó nhu cầu Đạm thấp hơn một chút so với NPK. Mỗi năm, Việt Nam cần khoảng 2 triệu tấn đạm để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Vì vậy doanh thu từ sản xuất đạm chiếm tỷ trọng thấp hơn vào khoảng gần 30%.

chịu trách nhiệm sản xuất phân đạm sử dụng khí tự nhiên làm nguyên liệu đầu vào. Trong khi đó, nhà máy phân đạm Hà Bắc với công suất thiết kế 190,000 tấn một năm và nhà máy phân lân Ninh Bình với công suất thiết kế 560,000 tấn một năm sản xuất phân đạm sử dụng than đá.

Khi tất cả nhà máy này cùng đi vào hoạt động, từ năm 2013 trở đi, thị trường đạm Việt Nam sẽ giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu. Tuy nhiên, khi nguồn cung trong nước vượt xa nhu cầu trong nước, các doanh nghiệp sản xuất phân bón sẽ gặp phải khó khăn khi tiếp thị sản phẩm của mình. Thị phần sẽ có nhiều biến động khi tranh tranh về giá và chất lượng sản phẩm sẽ trở nên khốc liệt hơn.

Hiện nay, phân đạm được sản xuất trong nước bởi bốn nhà máy phân bón chính. CTCP Hóa chất và Phân bón dầu khí Việt Nam (DPM với công suất thiết kế 800,000 tấn một năm), và nhà máy đạm cà Mau (công suất thiết kế cũng là 800,000 tấn một năm) là hai doanh nghiệp

## Sản xuất phân lân

Phân lân nung chảy phù hợp với những vùng đất chua, thung lũng dốc và đồi núi. Có hai loại phân lân là supe lân và phân lân lung chảy. Nhu cầu phân lân ở Việt Nam mỗi năm ước khoảng 1.8 triệu tấn. Bốn

nhà máy lớn tại Việt Nam với công suất thiết kế cao có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong nước. Do đó, phân lân được cung cấp 100% từ các doanh nghiệp trong nước.

## DAP

Loại phân bón này được sản xuất bằng cách trộn sun-phat với Amon supe lân. Nó có chứa hàm lượng lớn lân nên rất phù hợp với những vùng đất phèn, đất bazan. Hiện nay, chỉ có duy nhất một doanh nghiệp sản

xuất DAP với công suất thiết kế 330,000 tấn một năm. Tuy nhiên, nhà máy sản xuất DAP số 2 sắp đưa vào sử dụng với cùng công suất thiết kế, hứa hẹn sẽ đáp ứng đủ nhu cầu DAP trong nước.

## Phân bón nhập khẩu

# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi giá trị | Sản phẩm và Dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Khu vực kinh doanh

Do không có khả năng tự sản xuất SA và K hay do thiếu hụt nguồn cung DAP nên Việt Nam phải nhập khẩu phân bón từ nước ngoài. Ngoài ra, do mức giá bán phân bón của Trung Quốc thấp hơn, Việt Nam vẫn

còn nhập khẩu đạm, hay phân lân mặc dù hai loại phân bón này có thể được cung cấp đủ bởi các doanh nghiệp trong nước. Do đó, khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón vẫn còn ở mức cao qua các năm.



# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi giá trị | Sản phẩm và Dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Khu vực kinh doanh

## Yếu tố quyết định cầu

Nhu cầu đối với phân bón bị ảnh hưởng bởi đất canh tác, nhu cầu lương thực, loại đất, loại cây trồng,

khí hậu và thói quen sử dụng phân bón.

### Đất canh tác

Theo định nghĩa, đất canh tác là yếu tố chính quyết định đến nhu cầu của ngành. Khi diện tích đất canh tác tăng lên, nông dân sẽ có nhu cầu sử dụng nhiều phân bón hơn để cung cấp đầy đủ dưỡng chất cần thiết cho cây trồng nhằm đạt được năng suất cao nhất.

Ngoài ra, dân số và nhu cầu lương thực trong nước cũng như xuất khẩu càng cao thì cũng cần nhiều diện tích canh tác hơn. Kết quả là, đất trống sẽ được khai thác và những loại phân bón bổ sung dưỡng chất phù hợp như FMP sẽ có nhu cầu cao hơn.

### Loại đất, cây trồng và khí hậu

Những vùng canh tác khác nhau, những loại cây trồng và khí hậu khác nhau sẽ cần và sử dụng những loại phân bón khác nhau. Cả người sử dụng và người cung cấp đều cần có hiểu biết tốt về việc sử dụng phân

bón để giảm thiểu chi phí phân bón cũng như tối đa sự hiệu quả. Theo đánh giá của VFA, hiện nay, hiệu quả sử dụng đạm chỉ ở mức 30-45%, với phân lân là 40-45% và kali là 40-50%.

### Thói quen sử dụng phân bón

Nhu cầu đối với phân bón cũng phụ thuộc vào thói quen của nông dân. Tại Việt Nam, phần lớn nông dân đang lạm dụng việc sử dụng đạm. Họ chủ yếu sử dụng phân đạm lỏng và hỗn hợp NPK trong canh tác. DAP được sử dụng chủ yếu ở miền

nam. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất phân bón và các kênh phân phối nên nhận biết được những thói quen này của người nông dân để có thể cung cấp sản phẩm phù hợp cho khách hàng.

Cầu phân bón theo vụ mùa 2013

| Vụ mùa    | Cầu phân bón (nghìn tấn) |
|-----------|--------------------------|
| Đông      | 5,090                    |
| Đông xuân | 2,510                    |
| Hè thu    | 2,725                    |

Source: MARD

### Vụ thu hoạch

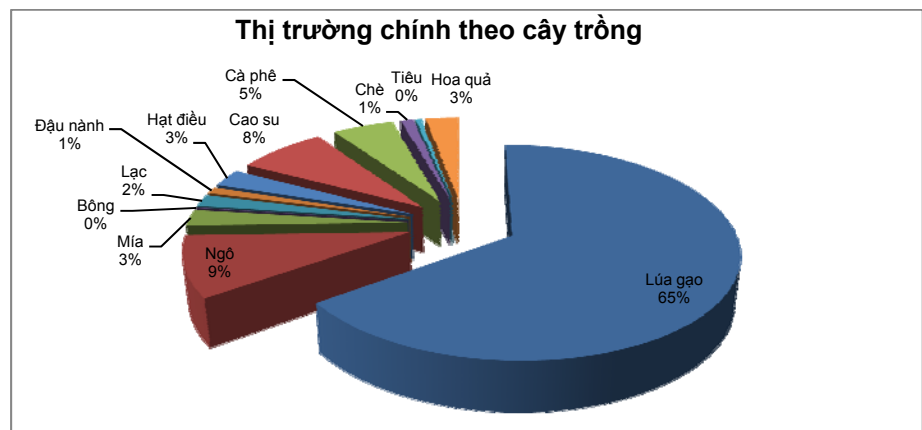
Sự khác biệt về khí hậu và độ dài chu kỳ cây trồng tương ứng với 3 mùa vụ chính ở Việt Nam. Điều này giúp giải thích sự biến đổi trong nhu cầu phân bón suốt cả năm. Như có

thể thấy trong bảng bên cạnh, nhu cầu phân bón cho vụ Đông là cao nhất, tiếp đến là vụ hè-thu và vụ đông -xuân.

## Thị trường chính

Do thiếu thông tin nên doanh thu của ngành không thể xác định theo các loại cây trồng và khu vực sử dụng. Vì vậy, đất canh tác theo mùa vụ có thể được xem như yếu tố thích hợp

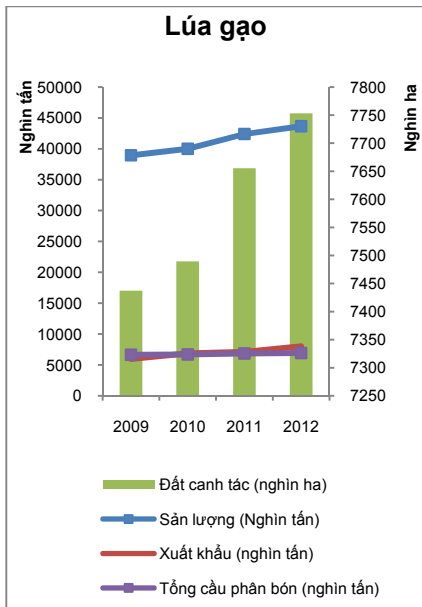
chỉ ra được những thị trường chính bởi vì nó được cho rằng có mối liên hệ chặt chẽ giữa đất canh tác và lượng phân bón được sử dụng.



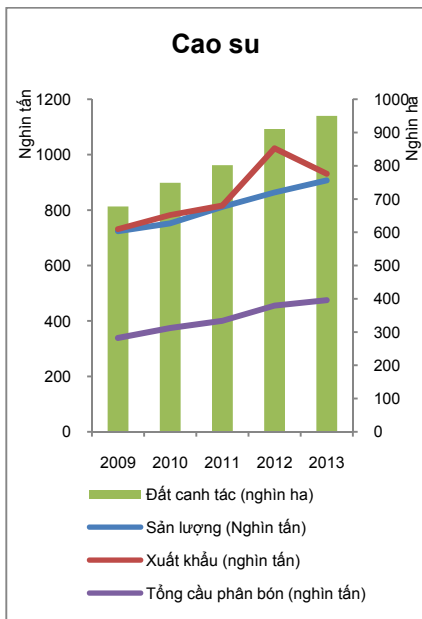
Nguồn: VietinBankSc

# Sản phẩm & Thị trường

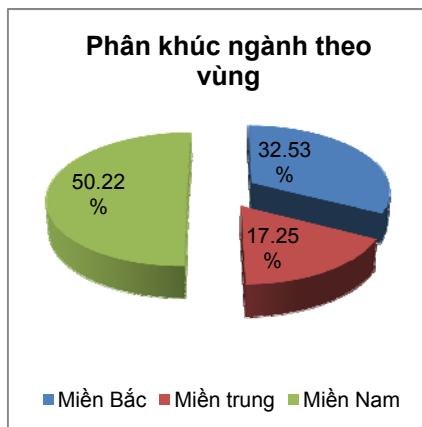
Chuỗi giá trị | Sản phẩm và Dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Khu vực kinh doanh



Nguồn: VietinbankSc



Nguồn: VietinbankSc



Nguồn: VietinBankSc

## Gạo

Thị trường lớn nhất cho ngành phân bón là sản xuất lúa gạo, chiếm 65.14% tổng diện tích canh tác tại Việt Nam. Điều này cũng dễ hiểu vì về mặt văn hóa thì cơm là món ăn không thể thiếu trong bữa ăn của người Việt Nam. Hơn nữa, Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 trên thế giới và xuất khẩu gạo của Việt Nam đều tăng lên cả về khối lượng lẫn giá trị qua các năm. Diện tích canh tác cho lúa và sản xuất lúa gạo

tăng lần lượt 1.28% và 0.32% trong năm 2012.

Nhu cầu dinh dưỡng là khác nhau giữa các loại lúa gạo. Hiện nay, giống lúa lai thường có nhu cầu dinh dưỡng cao hơn các giống lúa truyền thống. Tuy nhiên, cả hai loại lúa này đều có nhu cầu phân đạm và phân lân cao hơn kali. Do đó, các nhà máy sản xuất đạm hoặc phân lân có thể hưởng lợi từ đặc điểm này để tăng doanh thu của họ.

### Nhu cầu phân bón cho lúa

|                               | Phân đạm (kg/ha) |         | Phân lân (kg/ha) |         | Phân Kali (kg/ha) |         |
|-------------------------------|------------------|---------|------------------|---------|-------------------|---------|
|                               | N                | Urea    | P2O5             | Super   | K2O               | Kd      |
| Giống lúa thuần (90-120 days) | 100-200          | 220-260 | 50-60            | 300-350 | 48-60             | 80-100  |
| Giống lúa thuần (>120 days)   | 115-138          | 250-300 | 60-70            | 350-400 | 60-90             | 100-150 |
| Giống lúa lai                 | 138-147          | 300-320 | 70-75            | 400-450 | 90-120            | 150-200 |

Nguồn: DPM

## Ngô

Ngô là loại cây trồng có nhu cầu phân bón đứng thứ hai. Tại Việt Nam, ngô được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xác định là cây lương thực quan trọng thứ hai, chỉ đứng sau lúa gạo. Diện tích canh tác và năng suất trồng ngô cũng tăng lên liên tục trong 5 năm qua. Tuy nhiên, do thiếu hụt, hàng năm nước ta vẫn phải nhập khẩu hơn 1 triệu

tấn ngô. Do đó, trong những nỗ lực ngày một tăng nhằm tăng năng suất của cây ngô thì việc cung cấp phân bón chất lượng cao cũng đóng góp một phần quan trọng.

Phân bón cho cây ngô cũng tương tự như với lúa gạo, với nhu cầu phân lân là cao nhất, tiếp đến là đạm và kali.

## Cao su

Việt Nam đứng thứ 5 về sản xuất cao su và đứng thứ 4 trên thế giới về xuất khẩu cao su. Vì vậy ngành cao su nhận được rất nhiều sự quan tâm của chính phủ cũng như các

doanh nghiệp sản xuất phân bón. Nhu cầu phân bón cho việc sản xuất cao su tăng lên trong suốt 5 năm qua và chiếm khoảng 5% trong tổng nhu cầu phân bón của cả nước.

## Thị trường chính theo khu vực

Nắm giữ diện tích canh tác lớn nhất, đặc biệt là canh tác lúa nên không bất ngờ khi khu vực miền Nam là thị trường lớn nhất cho ngành phân bón. Bên cạnh nhu cầu trong nước, việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cũng khiến người bán chú ý

hơn đến chất lượng phân bón nhằm cải thiện năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Nhiều cảng xuất khẩu đều tập trung ở vùng này, đặc biệt là ở Bà Rịa Vũng Tàu và Tp Hồ Chí Minh, nên nhu cầu phân bón xuất khẩu cũng cao hơn.

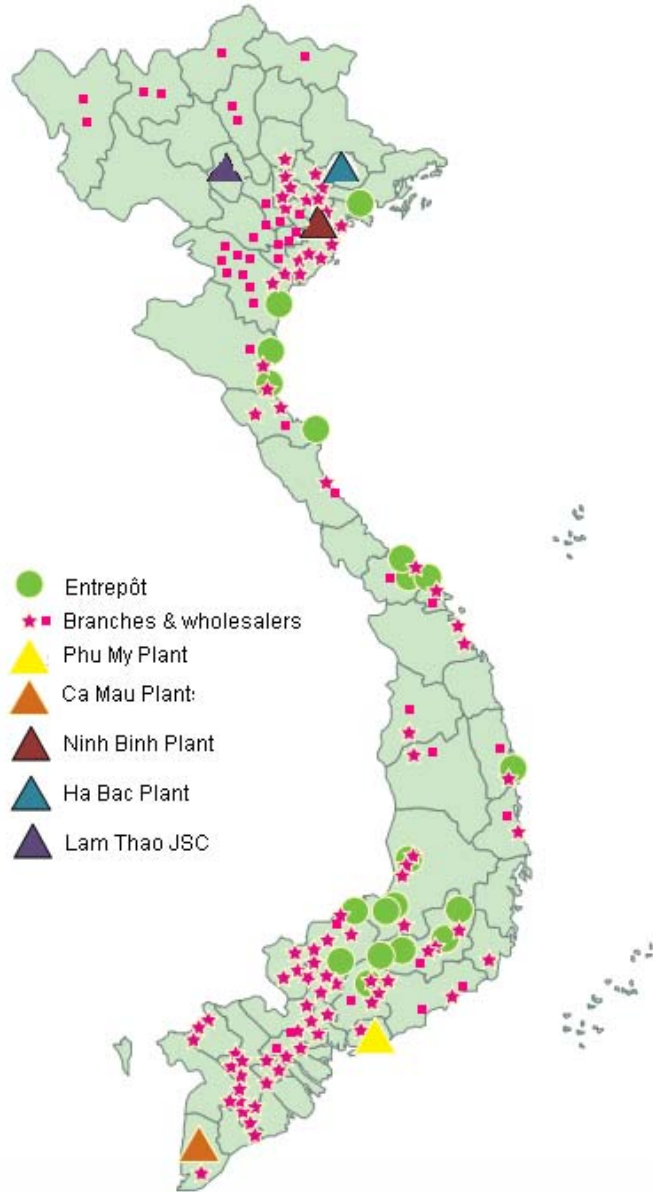
# Sản phẩm & Thị trường

Chuỗi giá trị | Sản phẩm và Dịch vụ | Yếu tố quyết định cầu | Thị trường chính | Khu vực kinh doanh

## Khu vực kinh doanh

Các doanh nghiệp, các nhà máy sản xuất phân bón, trạm trung chuyển, chi nhánh và đại lý bán buôn tập trung chủ yếu tại đồng

bằng Bắc bộ và đồng bằng Nam bộ, những nơi có nhu cầu phân bón cao nhất cả nước.



Để có bản đầy đủ của Báo cáo này, vui lòng liên lạc với chúng tôi:

**Phòng Nghiên cứu Phân tích**

**T** +84 4 3974 7952  
**F** +84 4 3094 7572  
**E** [research@vietinbanksc.com.vn](mailto:research@vietinbanksc.com.vn)

**Phòng Môi giới chứng khoán**

**T** +84 4 3974 6900  
**F** +84 4 3974 7572  
**E** [moigioichungkhoan@vietinbanksc.com.vn](mailto:moigioichungkhoan@vietinbanksc.com.vn)

**Phòng Môi giới chứng khoán - CN Hồ Chí Minh**

**T** +84 8 3820 9987  
**F** +84 8 3820 0921  
**E** [moigioiHCM@vietinbanksc.com.vn](mailto:moigioiHCM@vietinbanksc.com.vn)

**W** [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinbankSC) là một công ty chứng khoán được cấp phép với đầy đủ các chức năng nghiệp vụ, có số vốn điều lệ là 800 tỷ đồng, tương đương 40 triệu đô la.

VietinbankSC được niêm yết trên sàn GDCK Hà Nội (HNX) với mã giao dịch "CTS"

**Liên hệ**

306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

**T** +84 4 3974 7952

**F** +84 4 3094 7572

**W** [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

**Lưu ý sử dụng**

Báo cáo này được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương (VietinbankSC), và được sử dụng chủ yếu cho khách hàng của Công ty, tuân theo nghiêm ngặt các điều khoản sử dụng. VietinbankSC không có bất kỳ cam kết cá nhân nào về tính đầy đủ và chính xác của dữ liệu hay thông tin có trong báo cáo này. Công ty từ chối trách nhiệm cũng như phủ nhận tất cả trách nhiệm pháp lý (ngoại trừ những trách nhiệm không thể phủ nhận theo luật pháp) đối với bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào được gây ra hoặc phát sinh với bất cứ cá nhân nào, bắt nguồn từ việc sử dụng hoặc tin tưởng vào

số liệu và thông tin trong báo cáo. Bản quyền báo cáo thuộc sở hữu của VietinbankSC. Báo cáo được cung cấp dựa trên cơ sở người dùng đồng ý không sao chép các tài liệu, thông tin trong báo cáo để sử dụng với mục đích riêng. Trong trường hợp người sử dụng sử dụng hoạt trích dẫn tài liệu thông tin trong báo cáo này trong các giấy tờ, báo cáo, hay ý kiến để chuẩn bị cho bất kỳ ai khác, người sử dụng phải đồng ý trích dẫn nguồn tài liệu là từ VietinbankSC.

Copyright 2013 VietinbankSC